

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 1 – Năm học: 2023 – 2024

Môn học/Nhóm: Cầu lông 2 – Nhóm 18
CBGD: Nguyễn Thành Quân

Số tín chỉ: 02

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	BP.1	BP.2	BP.3	BP.4	Đ. QT	Ghi chú
1	2122110319	Phan Bảo	An	11/04/2004	7	8	7	7	7.3	
2	2122200012	Nguyễn Hoàng Trâm	Anh	12/08/2004	7	7	7	7	7.0	
3	2122120027	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	13/11/2004	7	8	6	6	6.8	
4	2122170338	Nguyễn Văn Quốc	Bảo	10/01/2004	7	7	6	6	6.5	
5	2122110470	Nguyễn Thị Kim	Chi	06/08/2004	9	8	7	7	7.8	
6	2121070003	Mai Thị	Chúc	28/03/2003	10	6	6	6	7.0	
7	2122270148	Võ Thành	Đại	24/05/2004	7	6	7	7	6.8	
8	2122120576	Vũ Tiến	Đạt	24/09/2003	4	7	6	6	5.8	
9	2122210008	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	18/05/2004	7	7	8	8	7.5	
10	2122200182	Phan Thị	Diễm	16/08/2004	7	6	8	8	7.3	
11	2122210021	Võ Ngọc	Diệp	15/07/2004	9	6	7	7	7.3	
12	2121190145	Châu Nữ Mỹ	Đình	15/07/2003	9	10	8	8	8.8	
13	2122110289	Huỳnh Võ Thùy	Dung	16/09/2004	10	10	8	8	9.0	
14	2122210062	Đinh Thị Thùy	Dương	17/07/2004	10	7	8	8	8.3	
15	2122030049	Cao Nguyên	Duy	05/04/2004	10	9	9	9	9.3	
16	2122120181	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	01/11/2004	10	8	8	8	8.5	
17	2122200019	Văn Trường	Giang	30/09/2004	7	8	7	7	7.3	

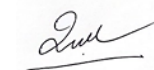
STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	BP.1	BP.2	BP.3	BP.4	Đ. QT	Ghi chú
18	2122120264	Võ Thị Thu	Giang	19/07/2004	6	7	8	8	7.3	
19	2122200224	Lê Gia	Hân	07/09/2004	6	10	7	7	7.5	
20	2121260080	Lê Thị	Hạnh	02/05/2003	7	10	6	6	7.3	
21	2122200094	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	19/09/2004	7	6	8	8	7.3	
22	2122120141	Lê Thị Kim	Hồng	04/06/2004	9	9	5	5	7.0	
23	2121070020	Nguyễn Thị Xuân	Hương	21/06/2003	10	7	7	7	7.8	
24	2122200186	Phạm Thị Thanh	Hường	03/02/2004	0	0	0	0	0.0	Vắng
25	2122030048	Cao Nguyên	Khương	05/04/2004	10	8	7	7	8.0	
26	2122180012	Phạm Minh	Kiệt	01/06/2004	7	9	7	7	7.5	
27	2122120420	Vũ Ngọc Thanh	Lan	12/08/2003	7	7	8	8	7.5	
28	2120110014	Lê Hoàng Ngọc	Lân	19/12/2000	0	0	0	0	0.0	Vắng
29	2122240119	Trần Ngọc	Lệ	14/08/2004	6	8	7	7	7.0	
30	2122210036	Hồ Yến	Linh	11/09/2004	10	6	7	7	7.5	
31	2122270087	Lưu Thị Kim	Loan	01/04/2002	10	10	7	7	8.5	
32	2122200179	Phan Huỳnh Thanh	Loan	15/07/2004	8	8	8	8	8.0	
33	2122110286	Nguyễn Trương Thành	Long	25/10/2004	6	7	8	8	7.3	
34	2121200043	Ngô Thị Kim	Luyến	05/01/2003	0	0	0	0	0.0	Vắng
35	2122110403	Nguyễn Lê Trúc	Ly	22/02/2004	5	7	7	7	6.5	
36	2122120170	Nguyễn Thị Ngọc	Lý	03/10/2004	7	9	6	6	7.0	
37	2122120405	Nguyễn Hoài	Mộng	27/04/2004	10	7	8	8	8.3	
38	2122120479	Nguyễn Thị Trà	My	27/10/2004	7	7	6	6	6.5	
39	2122210030	Nguyễn Huỳnh Chi	Mỹ	01/06/2004	7	6	8	8	7.3	
40	2121260093	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	26/02/2003	6	10	7	7	7.5	
41	2122120329	Tổng Thành	Nghĩa	21/09/2004	0	0	0	0	0.0	Vắng
42	2122120050	Nguyễn Thị	Nhàn	14/10/2004	10	8	8	8	8.5	
43	2122180025	Nguyễn Trung	Nhuận	08/12/2004	7	10	8	8	8.3	

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	BP.1	BP.2	BP.3	BP.4	Đ. QT	Ghi chú
44	2122120465	Nguyễn Thị	Nhung	17/07/2004	10	7	8	8	8.3	
45	2122060003	Phạm Mẫn	Phát	19/02/2002	5	6	7	7	6.3	
46	2122270160	Phạm Ngọc	Phát	06/07/2004	0	0	0	0	0.0	Vắng
47	2122200174	Phùng Trọng	Phú	05/01/2004	7	6	7	7	6.8	
48	2122270083	Lộ Thị Kim	Phuong	05/09/2003	9	8	7	7	7.8	
49	2121200140	Nguyễn Thị	Quyên	19/10/2003	6	9	6	6	6.8	
50	2122200124	Phan Thị Như	Quỳnh	01/05/2004	9	6	7	7	7.3	
51	2122120546	Võ Thị Mỹ	Tâm	24/08/2004	5	6	6	6	5.8	
52	2121120094	Ngô Hoài	Thanh	20/12/2003	0	0	0	0	0.0	Vắng
53	2122270100	Trần Thái	Thành	05/10/2004	6	8	7	7	7.0	
54	2122100379	Lê Thị	Thảo	13/07/2004	6	7	7	7	6.8	
55	2122120522	Trần Phúc	Thảo	14/07/2004	10	8	8	8	8.5	
56	2122120541	Trang Thu	Thảo	02/06/2003	5	6	8	8	6.8	
57	2122110335	Võ Thị Diệu	Thảo	25/05/2004	9	8	8	8	8.3	
58	2122120533	Lê Thị Minh	Thư	22/11/2004	6	7	8	8	7.3	
59	2122120540	Nguyễn Thị Minh	Thư	29/04/2004	7	7	9	9	8.0	
60	2122120029	Nguyễn Thị Hoài	Thương	04/05/1999	6	6	6	6	6.0	
61	2122110301	Tiêu Thị Minh	Thương	15/04/2004	7	10	8	8	8.3	
62	2122120523	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	26/03/2004	10	8	7	7	8.0	
63	2122140014	Hà Trung	Tín	13/10/2004	8	8	10	10	9.0	
64	2122120222	Diệp Bảo	Trà	15/02/2004	6	6	8	8	7.0	
65	2121120595	Trương Thị Bích	Trâm	04/03/2003	5	8	8	8	7.3	
66	2122270156	Lê Ngọc Quế	Trân	06/07/2004	6	9	7	7	7.3	
67	2122210066	Lê Nguyễn Thu	Trang	30/04/2004	10	6	9	9	8.5	
68	2122120520	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	20/03/2004	8	7	7	7	7.3	
69	2122210014	Đặng Thị	Tuyết	26/07/2004	7	6	7	7	6.8	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	BP.1	BP.2	BP.3	BP.4	Đ. QT	Ghi chú
70	2122200188	Phan Thị Tuyết	08/02/2004	7	6	8	8	7.3	
71	2122110485	Nguyễn Đại Vệ	28/10/2002	5	7	9	9	7.5	
72	2122110285	Nguyễn Quốc Việt	28/09/2004	4	10	8	8	7.5	
73	2122120519	Nguyễn Thị Trúc Vy	20/03/2004	8	7	7	7	7.3	
74	2122110352	Nguyễn Thị Thảo Xuân	04/02/2004	8	9	7	7	7.8	

TP. HCM, ngày 05 tháng 01 năm 2024

Giảng viên



Nguyễn Thành Quân

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: 1 – Năm học: 2023 – 2024

Môn học/Nhóm: Cầu lông 2 – Nhóm 18
CBGD: Nguyễn Thành Quân

Số tín chỉ: 02

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Đ. QT	Đ.THI	Đ.TK	Ghi chú
1	2122110319	Phan Bảo	An	11/04/2004	7.3	9.0	8.3	
2	2122200012	Nguyễn Hoàng Trâm	Anh	12/08/2004	7.0	7.0	7.0	
3	2122120027	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	13/11/2004	6.8	8.0	7.5	
4	2122170338	Nguyễn Văn Quốc	Bảo	10/01/2004	6.5	7.0	6.8	
5	2122110470	Nguyễn Thị Kim	Chi	06/08/2004	7.8	7.0	7.3	
6	2121070003	Mai Thị	Chúc	28/03/2003	7.0	8.0	7.6	
7	2122270148	Võ Thành	Đại	24/05/2004	6.8	6.0	6.3	
8	2122120576	Vũ Tiến	Đạt	24/09/2003	5.8	6.0	5.9	
9	2122210008	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	18/05/2004	7.5	7.0	7.2	
10	2122200182	Phan Thị	Diễm	16/08/2004	7.3	6.0	6.5	
11	2122210021	Võ Ngọc	Diệp	15/07/2004	7.3	7.0	7.1	
12	2121190145	Châu Nữ Mỹ	Đình	15/07/2003	8.8	7.0	7.7	
13	2122110289	Huỳnh Võ Thùy	Dung	16/09/2004	9.0	9.0	9.0	
14	2122210062	Đình Thị Thùy	Dương	17/07/2004	8.3	7.0	7.5	
15	2122030049	Cao Nguyên	Duy	05/04/2004	9.3	7.0	7.9	
16	2122120181	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	01/11/2004	8.5	6.0	7.0	
17	2122200019	Văn Trường	Giang	30/09/2004	7.3	8.0	7.7	
18	2122120264	Võ Thị Thu	Giang	19/07/2004	7.3	8.0	7.7	

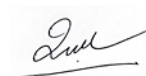
STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Đ. QT	Đ.THI	Đ.TK	Ghi chú
19	2122200224	Lê Gia Hân	07/09/2004	7.5	6.0	6.6	
20	2121260080	Lê Thị Hạnh	02/05/2003	7.3	7.0	7.1	
21	2122200094	Nguyễn Thị Minh Hạnh	19/09/2004	7.3	8.0	7.7	
22	2122120141	Lê Thị Kim Hồng	04/06/2004	7.0	5.0	5.8	
23	2121070020	Nguyễn Thị Xuân Hương	21/06/2003	7.8	8.0	7.9	
24	2122200186	Phạm Thị Thanh Hường	03/02/2004	0.0	0.0	0.0	Vắng
25	2122030048	Cao Nguyên Khương	05/04/2004	8.0	10.0	9.2	
26	2122180012	Phạm Minh Kiệt	01/06/2004	7.5	7.0	7.2	
27	2122120420	Vũ Ngọc Thanh Lan	12/08/2003	7.5	8.0	7.8	
28	2120110014	Lê Hoàng Ngọc Lân	19/12/2000	0.0	0.0	0.0	Vắng
29	2122240119	Trần Ngọc Lệ	14/08/2004	7.0	8.0	7.6	
30	2122210036	Hồ Yến Linh	11/09/2004	7.5	8.0	7.8	
31	2122270087	Lưu Thị Kim Loan	01/04/2002	8.5	7.0	7.6	
32	2122200179	Phan Huỳnh Thanh Loan	15/07/2004	8.0	7.0	7.4	
33	2122110286	Nguyễn Trương Thành Long	25/10/2004	7.3	8.0	7.7	
34	2121200043	Ngô Thị Kim Luyến	05/01/2003	0.0	0.0	0.0	Vắng
35	2122110403	Nguyễn Lê Trúc Ly	22/02/2004	6.5	7.0	6.8	
36	2122120170	Nguyễn Thị Ngọc Lý	03/10/2004	7.0	6.0	6.4	
37	2122120405	Nguyễn Hoài Mộng	27/04/2004	8.3	9.0	8.7	
38	2122120479	Nguyễn Thị Trà My	27/10/2004	6.5	6.0	6.2	
39	2122210030	Nguyễn Huỳnh Chi Mỹ	01/06/2004	7.3	7.0	7.1	
40	2121260093	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	26/02/2003	7.5	8.0	7.8	
41	2122120329	Tổng Thành Nghĩa	21/09/2004	0.0	0.0	0.0	Vắng
42	2122120050	Nguyễn Thị Nhân	14/10/2004	8.5	7.0	7.6	
43	2122180025	Nguyễn Trung Nhuận	08/12/2004	8.3	9.0	8.7	
44	2122120465	Nguyễn Thị Nhung	17/07/2004	8.3	8.0	8.1	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Đ. QT	Đ.THI	Đ.TK	Ghi chú
45	2122060003	Phạm Mẫn Phát	19/02/2002	6.3	7.0	6.7	
46	2122270160	Phạm Ngọc Phát	06/07/2004	0.0	0.0	0.0	Vắng
47	2122200174	Phùng Trọng Phú	05/01/2004	6.8	6.0	6.3	
48	2122270083	Lộ Thị Kim Phương	05/09/2003	7.8	4.0	5.5	
49	2121200140	Nguyễn Thị Quyên	19/10/2003	6.8	7.0	6.9	
50	2122200124	Phan Thị Như Quỳnh	01/05/2004	7.3	7.0	7.1	
51	2122120546	Võ Thị Mỹ Tâm	24/08/2004	5.8	7.0	6.5	
52	2121120094	Ngô Hoài Thanh	20/12/2003	0.0	0.0	0.0	Vắng
53	2122270100	Trần Thái Thành	05/10/2004	7.0	7.0	7.0	
54	2122100379	Lê Thị Thảo	13/07/2004	6.8	8.0	7.5	
55	2122120522	Trần Phúc Thảo	14/07/2004	8.5	7.0	7.6	
56	2122120541	Trang Thu Thảo	02/06/2003	6.8	6.0	6.3	
57	2122110335	Võ Thị Diệu Thảo	25/05/2004	8.3	9.0	8.7	
58	2122120533	Lê Thị Minh Thư	22/11/2004	7.3	7.0	7.1	
59	2122120540	Nguyễn Thị Minh Thư	29/04/2004	8.0	8.0	8.0	
60	2122120029	Nguyễn Thị Hoài Thương	04/05/1999	6.0	6.0	6.0	
61	2122110301	Tiêu Thị Minh Thương	15/04/2004	8.3	8.0	8.1	
62	2122120523	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	26/03/2004	8.0	8.0	8.0	
63	2122140014	Hà Trung Tín	13/10/2004	9.0	10.0	9.6	
64	2122120222	Diệp Bảo Trà	15/02/2004	7.0	8.0	7.6	
65	2121120595	Trương Thị Bích Trâm	04/03/2003	7.3	8.0	7.7	
66	2122270156	Lê Ngọc Quế Trân	06/07/2004	7.3	7.0	7.1	
67	2122210066	Lê Nguyễn Thu Trang	30/04/2004	8.5	8.0	8.2	
68	2122120520	Nguyễn Thị Thanh Trúc	20/03/2004	7.3	7.0	7.1	
69	2122210014	Đặng Thị Tuyết	26/07/2004	6.8	6.0	6.3	
70	2122200188	Phan Thị Tuyết	08/02/2004	7.3	8.0	7.7	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Đ. QT	Đ. THI	Đ. TK	Ghi chú
71	2122110485	Nguyễn Đại Vệ	28/10/2002	7.5	7.0	7.2	
72	2122110285	Nguyễn Quốc Việt	28/09/2004	7.5	9.0	8.4	
73	2122120519	Nguyễn Thị Trúc Vy	20/03/2004	7.3	4.0	5.3	
74	2122110352	Nguyễn Thị Thảo Xuân	04/02/2004	7.8	5.0	6.1	

TP. HCM, ngày 05 tháng 01 năm 2024

Giảng viên



Nguyễn Thành Quân